

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Phùng Thị Quế P**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số C, Nguyễn Văn H, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: D tổ B, ấp D, xã C, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2026).

* *Bị đơn*:

1. Ông **Phùng Văn H1**, sinh năm 1939.

Địa chỉ: C Đường C, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Hoàng V, sinh năm 1979; Địa chỉ: C Đường C, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2026).

2. Bà **Phùng Thị Mỹ L**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: A, đường Ô, khu phố B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Phương N1, sinh năm 1979; Địa chỉ: A, đường Ô, khu phố B, phường M, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2026).

3. Bà **Phùng Thị H2**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: đường N, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông **Phùng Văn N2**, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: A Đường C, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1968. Địa chỉ: A đường C, khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu V M, phường M, thành phố Cần Thơ (theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/11/2025).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế (căn nhà và thửa đất ở tọa lạc tại số C tỉnh lộ 868 Khu A, TT C) đã lập giữa ông Phùng Văn H1, bà Phùng Thị H2, bà Phùng Thị Mỹ L, ông Phùng Văn N2, ông Phùng Văn Q tại Văn Phòng C1 tỉnh Tiền Giang ngày 26/07/2010 (số Công chứng 34, quyền số 01//TP/CC-SCC/HĐGD).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phùng Văn K, cụ Trương Thị B gồm: Phùng Văn H1, Phùng Thị Mỹ L, Phùng Thị H2, Phùng Văn N2, Phùng Thị Quế P và Nguyễn Thị N3.

- Xác định quyền sử dụng thửa đất số 20, tờ bản đồ 26, diện tích 83,1m² và quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung cột BTCC, vách tường, gác BTCT, mái tole có diện tích xây dựng 81,6m² (diện tích đo đạc thực tế 83,1m²) và gác lửng BTCT có diện tích xây dựng 26,5m²; tổng diện tích sàn 108,1m² (diện tích đo đạc thực tế 109,6 m²) tọa lạc tại số C, tỉnh lộ 868, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp) - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00377 do UBND huyện C cấp ngày 17/3/2011 cho ông Phùng Văn Q đại diện đứng tên - là di sản thừa kế của cụ Phùng Văn K và cụ Trương Thị B.

- Thỏa thuận giá trị tài sản quyền sử dụng thửa đất số 20, tờ bản đồ 26, diện tích 83,1m² và quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung cột BTCC, vách tường, gác BTCT, mái tole có diện tích xây dựng 81,6m² (diện tích đo đạc thực tế 83,1m²) và gác lửng BTCT có diện tích xây dựng 26,5m²; tổng diện tích sàn 108,1m² (diện tích đo đạc thực tế 109,6 m²) tọa lạc tại số C, tỉnh lộ 868, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp) - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00377 do UBND huyện C cấp ngày 17/3/2011 cho ông Phùng Văn Q đại diện đứng tên - là 7.000.000.000đồng (bảy tỷ đồng).

- Thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Phùng Văn K và cụ Trương Thị B thành 06 kỷ phần, giá trị của một kỷ phần thừa kế là 1.166.666.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Phương thức nhận kỷ phần như sau:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị N3 được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ 26, diện tích 83,1m² và quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung cột BTCC, vách tường, gác BTCT, mái tole có diện tích xây dựng 81,6m² (diện tích đo đạc thực tế 83,1m²) và gác lửng BTCT có diện tích xây dựng 26,5m²; tổng diện tích sàn 108,1m² (diện tích đo đạc thực tế 109,6 m²) tọa lạc tại số C, tỉnh lộ 868, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Khu phố A, phường M, tỉnh Đồng Tháp) - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00377 do UBND huyện C cấp ngày 17/3/2011 cho ông Phùng Văn Q đại diện đứng tên.

Vị trí và tứ cận của phần đất trên được thể hiện tại Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đ được Phòng kinh tế hạ tầng và đô thị Phường M, tỉnh Đồng Tháp xác nhận ngày 31/3/2026 (*kèm theo quyết định*).

+ Bà Nguyễn Thị N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Phùng Thị Quế P giá trị của một kỷ phần thừa kế là 1.166.666.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N3 được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Phùng Thị Quế P.

+ Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N3 có nghĩa vụ hoàn lại ông Phùng Văn H1, bà Phùng Thị Mỹ L, bà Phùng Thị H2, ông Phùng Văn N2 mỗi người nhận một giá trị của một kỷ phần

thừa kế là 1.166.666.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), thực hiện vào ngày 08/8/2026.

- Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chuyển tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản thành chi phí xem xét thẩm định tài sản, xem như nộp xong.

- Về án phí:

+ Bà Phùng Thị Quế P chịu 23.799.990 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà P đã tạm nộp 2.916.650 đồng theo biên lai thu số 0006352 ngày 29/10/2025 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002589 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp chuyển thành án phí nên bà P phải nộp tiếp 20.583.340 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc C 23.499.990 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà N3 đã tạm nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001217 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp chuyển thành án phí nên bà N3 phải nộp tiếp 18.499.990 đồng.

+ Ông Phùng Văn H1, bà Phùng Thị Mỹ L, bà Phùng Thị H2, ông Phùng Văn N2 được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Cẩm Loan